TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1098/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-11-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thu Vân

2. Bà Thái Thục Hiền

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn An Lập – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 679/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2018/QĐST–HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tấn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94 quyển số 01/2004 ngày 10/8/2004 cấp). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau một thời gian chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm lo cho bà và con, ông bà hiện tại tuy sống chung nhà nhưng đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Hiện tại ông bà đã không còn ai quan tâm ai, tự mỗi người sống riêng phòng không ai nói chuyện quan tâm nhau, hiện tại bà đã không còn tình cảm với ông L. Vì vậy, bà nhận thấy không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với ông L được nữa, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn L.

- Về nuôi con chung: Có 01 con riêng tên Nguyễn Lê Tiến T, sinh ngày 25/4/2000 nhưng sau khi bà kết hôn với ông L bà đã đi làm giấy khai sinh nhập con riêng của bà là con chung với ông L. Bên cạnh đó con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn L đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L không đến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục để xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tấn L theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay: Bà Lê Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn bà vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, về con chung tài sản chung, nợ chung bà vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán theo đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung: Bà Lê Thị Thanh H và ông Nguyễn Tấn L có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến ly thân nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L không quan tâm đến bà H, thường hay nhậu nhẹt gây gổ nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không đạt được hạnh phúc và bà H có yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 con riêng tên Nguyễn Lê Tiến T, sinh ngày 25/4/2000 nhưng sau khi bà H kết hôn với ông L bà H đã đi làm giấy khai sinh nhập con riêng của bà là con chung với ông L. Bên cạnh đó trẻ Tiến T cũng đã trưởng thành bà H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên không xét.

Về án phí ly hôn: Bà Lê Thị Thanh H phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì vậy, việc bà H có đơn yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Thanh H và ông Nguyễn Tấn L có đăng ký kết hôn, bà H yêu cầu ly hôn với ông L xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "Tranh chấp ly hôn".

Hiện nay, bị đơn ông Nguyễn Tấn L đang cư trú tại Quận 8, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục vắng mặt:

Bà Lê Thị Thanh H là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia của bà; Bị đơn ông Nguyễn Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 94 quyển số 01/2004 ngày 10/8/2004 Tại Uỷ ban nhân dân Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cùng lời khai của bà H về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng từ lời khai của bà H cho rằng trong quá trình kết hôn thời gian đầu cuộc sống của ông bà có hạnh phúc, sau đó thì giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông L thường xuyên uống rượu về gây gổ, cải vã nhau dù bà đã cố gắn tìm cách hàn gắn tình cảm với ông L nhưng vẫn không nói chuyện được với ông. Bên cạnh đó ông L và bà tuy sống chung nhà nhưng đã ly thân hơn 01 năm nay, mỗi người có cuộc sống riêng

không còn quan tâm nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đó cũng là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Ông Nguyễn Tấn L dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để mời ông cùng bà H hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng ông L dù là người trực tiếp nhận các văn bản tống đạt của Tòa nhưng vẫn không đến. Bên cạnh đó ông L và bà H cũng đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay, đều đó cho thấy tình cảm giữa ông L và bà H đã không còn, ông bà cũng không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm tổn thương tình cảm của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông L và bà H không có con chung, nhưng trước khi kết hôn với ông L bà H có 01 con riêng và đã làm giấy khai sinh cho con bà là con chung của bà với ông L. Trẻ tên Nguyễn Lê Tiến T, sinh ngày 25/4/2000 theo giấy khai sinh số 341 quyển số 02/2004 do Ủy ban nhân dân xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp. Do đó vẫn xác nhận đây là con chung của ông L và bà H. Bên cạnh đó Nguyễn Lê Tiến T đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H cho rằng không có, mặt khác ông L không có mặt nên nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Lê Thị Thanh H phải chịu (theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh H về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Tấn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Tấn L. (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94 quyển số 01/2004 ngày 10/8/2004 Tại Uỷ ban nhân dân Phường 8, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Tiến T, sinh ngày 25/4/2000 con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H cho rằng không có mặt khác ông L không có mặt nên nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Lê Thị Thanh H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0014915 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Tuyết Lạnh